

Khảo sát thực trạng các hoạt động kiểm tra tiếng Pháp ở trung học phổ thông khu vực phía Bắc Việt Nam

Đỗ Quang Việt*

*Trung tâm NCGDNN&KĐCL, Trường Đại học Ngoại ngữ,
Đại học Quốc gia Hà Nội, Đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 06 tháng 10 năm 2011

Tóm tắt. Với tư cách là một bộ phận cấu thành và có tác động phản hồi tới quá trình dạy-học, kiểm tra đánh giá (KTĐG) bao gồm nhiều thành tố có mối quan hệ qua lại: mục tiêu KTĐG, chuẩn kiến thức và các kỹ năng, phương pháp KTĐG, các hoạt động KTĐG, cấu trúc, thời lượng, độ tin cậy, tính giá trị, hệ số điểm, trọng số điểm các bài kiểm tra ... Bài viết này tập trung mô tả và phân tích thực trạng các hoạt động kiểm tra (HĐKT) tiếng Pháp ở một số trường trung học phổ thông (THPT) thuộc một số tỉnh khu vực phía Bắc Việt Nam để tìm ra những tồn tại, đề xuất các giải pháp khắc phục nhằm tiến tới xây dựng các hoạt động KTĐG ở THPT phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế của giáo dục Việt Nam.

Từ khóa: đánh giá (ĐG), kiểm tra (KT), kiểm tra đánh giá (KTĐG), hoạt động kiểm tra (HĐKT), kiểm tra thường xuyên (KTTX), kiểm tra định kỳ (KTĐK).

1. Đặt vấn đề

Một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục là KTĐG. Đối với giáo dục Việt Nam nói chung, dạy học ngoại ngữ nói riêng, KTĐG đang là vấn đề thời sự nóng hổi. Nhiều năm qua, vấn đề này được bàn bạc rất nhiều trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các hội nghị, hội thảo chuyên ngành. Người ta bàn nhiều về những vấn đề bất cập và nổi cộm như: sự nghi ngờ về hiệu quả của KTĐG, sức ép của thi cử, sức ép của điểm số... Đó là nỗi lo thường trực không những của học sinh mà còn của đa số phụ huynh có con đi học. Tình trạng này đặt ra cho các nhà nghiên cứu giáo dục, các thầy cô phải tìm ra những giải pháp nhằm cải thiện tình hình, tiến tới đổi mới

hệ thống KTĐG trong bối cảnh đổi mới toàn diện nền giáo dục ở Việt Nam.

Bài viết này chỉ đề cập một khía cạnh của KTĐG: các hoạt động KT ngoại ngữ ở THPT – một trong những điểm nóng hiện nay của vấn đề KTĐG. Trên cơ sở những quan điểm mới về KTĐG, tác giả bài viết tập trung mô tả, phân tích thực trạng các hoạt động KT tiếng Pháp ở một số trường THPT khu vực phía Bắc Việt Nam để tìm ra các tồn tại, bất cập, đề xuất các giải pháp khắc phục nhằm góp phần cải thiện tình hình, góp phần vào việc đổi mới KTĐG phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế của giáo dục Việt Nam.

*ĐT: 84- 0903249821

E-mail: quangvietdo@yahoo.fr

2. Tổng quan

2.1. Khái niệm

Trước khi trình bày việc khảo sát các HĐKT ngoại ngữ ở THPT, chúng tôi muốn làm rõ một số khái niệm, thuật ngữ được sử dụng trong khuôn khổ bài viết.

2.1.1. Đánh giá, kiểm tra, kiểm tra-đánh giá

Chúng tôi chia sẻ quan điểm của Tô Thu Hương [1] theo đó thuật ngữ *đánh giá* (ĐG) – *assessment* trong khoa học đo lường giáo dục được dùng để chỉ quá trình thu thập thông tin bằng nhiều phương pháp, công cụ như dùng bài thi/kiểm tra, quan sát, phỏng vấn, tự nhận xét, nhận xét của cấp trên, đồng nghiệp... nhằm giúp đưa ra các quyết định giáo dục cụ thể như xét tốt nghiệp THPT, quyết định danh hiệu giáo viên dạy giỏi, tăng cường cơ sở vật chất cho trường học, v.v. Thuật ngữ *kiểm tra* (KT) – *test* chỉ việc sử dụng bài kiểm tra gồm những câu hỏi được thiết kế theo những chuẩn mực và nguyên tắc nhất định để lượng hóa kết quả học tập của học sinh cũng như KT hiệu quả giảng dạy của giáo viên. Thuật ngữ *kiểm tra đánh giá* (KTĐG) – *evaluation* chỉ quá trình thu thập thông tin bằng cách dùng các bài kiểm tra hoặc các dạng bài tập và các công cụ đo lường khác như quan sát của giáo viên, nhận xét của giáo viên, của bạn học, tự nhận xét của học sinh ... để đo lường kết quả học ngoại ngữ của học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

2.1.2. Hoạt động kiểm tra

Trong khoa học đo lường giáo dục, thuật ngữ này dùng để chỉ các hình thức KT khác nhau được tiến hành với một mục đích nhất định. Trong *Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông 2006* của Bộ Giáo dục và Đào tạo [2], hai hình thức KT chính được chỉ rõ là kiểm tra thường xuyên (KTTX) và kiểm tra định kỳ (KTĐK). Các hình thức KTTX bao gồm: kiểm tra miệng, KT 15 phút. KTĐK bao gồm: kiểm tra 1 tiết, kiểm tra giữa học kỳ, kiểm tra cuối học kỳ và kiểm tra cuối năm học.

2.1.3. Điều tra bằng bảng hỏi

Theo Campenhoudt et Quivy R. (1986:181) [3], điều tra bằng bảng hỏi là thiết lập một hệ thống các item/câu hỏi để hỏi các nghiệm thể thông qua một phần đại diện của các nghiệm thể đó về nhận thức, ý kiến, thái độ, sự mong đợi và quan điểm của họ liên quan đến tình trạng xã hội, gia đình, nghề nghiệp, ... nhằm thu thập thông tin có ích cho việc tìm hiểu, đánh giá một hoạt động, một hiện tượng, một vấn đề.

2.1.4. Phỏng vấn

Cũng theo Campenhoudt et Quivy R. (1986:184) [3], phỏng vấn định tính là sử dụng những câu hỏi mở để thu thập thông tin và những suy nghĩ rất phong phú và tinh tế từ các cá nhân/nhóm, nhằm thẩm định lại các thông tin định lượng hoặc thu thập thông tin định tính cần thiết cho việc tìm hiểu, đánh giá một hoạt động, một sự kiện hay một quá trình. Ngược lại với điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn có đặc thù là có sự tiếp xúc trực tiếp giữa nhà nghiên cứu với người được hỏi.

2.1.5. Nghiệm thể

Trong điều tra khảo sát, nghiệm thể là đối tượng được điều tra phỏng vấn để cung cấp các thông tin định lượng/định tính cần thiết cho việc tìm hiểu, đánh giá một hoạt động, một sự kiện hay một quá trình.

2.2. Mục tiêu khảo sát

Chuyên đề khảo sát thực trạng các HĐKT tiếng Pháp ở THPT khu vực phía Bắc Việt Nam nhằm hai mục tiêu:

(1) Tìm hiểu thực trạng các HĐKT tiếng Pháp, những tồn tại trong các HĐKT tiếng Pháp ở THPT khu vực phía Bắc Việt Nam ;

(2) Đề xuất một số giải pháp khắc phục những tồn tại trong các HĐKT tiếng Pháp ở các trường THPT được khảo sát nhằm tiến tới xây dựng các HĐKT ở THPT phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế của giáo dục Việt Nam.

2.3. Nội dung khảo sát

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, nhóm chuyên đề tập trung vào các nội dung khảo sát sau:

- Các hoạt động KTTX và KTĐK được tiến hành trong KT tiếng Pháp tại các trường THPT;
- Các bình diện kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp và tỉ trọng của các bình diện đó trong KTTX và KTĐK;
- Nhận thức của giáo viên và học sinh THPT đối với KTTX/KTĐK.

2.4. Phương pháp khảo sát

Chuyên đề sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi kết hợp với phỏng vấn:

1) Điều tra bằng bảng hỏi

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi được sử dụng nhằm thu thập những thông tin định lượng về các hoạt động KT tiếng Pháp ở các trường THPT được khảo sát, làm cơ sở cho việc tìm hiểu thực trạng và những tồn tại trong các HĐKT ngoại ngữ ở THPT, qua đó đề ra những giải pháp khắc phục và cải thiện tình hình.

2) Phỏng vấn

Phương pháp phỏng vấn được sử dụng nhằm thẩm định lại các thông tin định lượng và thu thập thông tin định tính cần thiết cho việc tìm hiểu hiện trạng các HĐKT ngoại ngữ ở các trường THPT được khảo sát.

Việc điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn được tiến hành trên ba loại nghiệm thể: học sinh học tiếng Pháp, giáo viên tiếng Pháp và cán bộ quản lý (Hiệu phó phụ trách chuyên môn) của 6 trường THPT được khảo sát.

Số lượng: 598 học sinh tiếng Pháp của 6 trường tham gia điều tra bằng bảng hỏi trong đó khối 10: 172 HS, khối 11: 177 HS, khối 12: 249 HS. 94 học sinh tham gia phỏng vấn trong đó khối 10: 34 HS, khối 11: 28 HS, khối 12: 32 HS. 22 giáo viên tiếng Pháp tham gia điều tra bằng bảng hỏi, 11 GV tham gia phỏng vấn. 6 cán bộ quản lý chuyên môn của 6 trường tham gia điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn.

2.5. Thời gian và địa bàn khảo sát

Trong thời gian 6 tuần, từ 20/2/2010 đến 30/3/2010, nhóm thực hiện chuyên đề đã tiến

hành điều tra khảo sát thực trạng các hoạt động kiểm tra tiếng Pháp ở 6 trường THPT nằm trên địa bàn 3 tỉnh/thành phố mang tính đại diện cho 3 vùng miền ở khu vực phía bắc Việt Nam:

- Hà Nội :

Trường THPT Chuyên ngữ (ĐHNN – ĐHQGHN) - Cầu Giấy - Hà Nội

Trường THPT Nguyễn Huệ - Hà Đông - Hà Nội

- Vĩnh Phúc

Trường THPT Bình Xuyên - Vĩnh Phúc

Trường THPT Bến Tre - Vĩnh Phúc

- Ninh Bình

Trường THPT Yên Khánh B - Ninh Bình

Trường THPT Lương Văn Tuy - Ninh Bình

2.6. Xử lý dữ liệu

Các phiếu điều tra và phỏng vấn được xử lý qua 2 bước:

- Xử lý thô bằng thủ công: một số phiếu không đáp ứng yêu cầu như điền không hết thông tin, điền giống nhau do điền hộ... bị loại bỏ.

- Các phiếu đạt yêu cầu được mã hóa và xử lý trên phần mềm chuyên dụng SPSS 17.0.

3. Thực trạng các HĐKT tiếng Pháp ở các trường THPT được khảo sát

Qua kết quả điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn ba loại nghiệm thể, mặc dù có những biến số khác nhau và phổ các biến số khá lớn, nhưng nhìn chung số lượng các hoạt động kiểm tra tiếng Pháp tại 6 trường khá đa dạng, bao gồm 8 loại hoạt động: KT khảo sát đầu năm học, KT miệng, KT dưới 1 tiết (15 phút, 30 phút...), KT 1 tiết, KT giữa kì, KT cuối kì, KT vở bài tập và kiểm tra vở ghi chép bài trên lớp. Kết quả thống kê số liệu điều tra và phỏng vấn về các nội dung khảo sát sẽ được trình bày lồng ghép trong hai phần lớn : hoạt động KTTX và hoạt động KTĐK.

Bảng 1. Kết quả thống kê HĐKT miệng

Số lần KT miệng	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Tổng hợp
0 lần	2,3	2,0	2,7	2,4%
1 lần	29,2	5,9	12,1	15,7%
2 lần	28,1	22,9	40,4	21,1%
3 lần	31,6	19,6	34,1	28,4%

3.1. Các hoạt động kiểm tra thường xuyên

3.1.1. Kiểm tra miệng

Bảng thống kê đã cung cấp những số liệu khá đa dạng về HĐKT miệng, theo đó, tại các trường THPT được khảo sát, các thầy cô thường tiến hành kiểm tra miệng với tần suất 2 lần và 3 lần/HS/ năm (tỉ lệ trung bình chung ba khối lớp tương ứng là 21,1% và 28,4%, trong đó ở khối 10 là 28,1% và 31,6%, khối 11 là 22,9% và 19,6%, khối 12 là 40,4% và 34,1%). Ngoài ra, tỉ lệ trung bình chung KT miệng với tần suất 1 lần là 15,7%. Tỉ lệ không KT miệng là rất ít (2,4%).

Theo kết quả thống kê theo khối lớp, ở khối lớp 10, số lần kiểm tra là không cố định vì ở các giá trị 1 lần, 2 lần và 3 lần, tỉ lệ % là xấp xỉ nhau. Đến khối 11 và 12, chúng tôi nhận thấy việc KT miệng diễn ra thường xuyên hơn và với tần suất cao hơn. Ví dụ như ở khối 12, tần suất kiểm tra miệng 2 lần lên tới 40,4%, gần gấp đôi so với khối 10 và 11.

Để xem xét các bình diện kiến thức ngôn ngữ và kĩ năng giao tiếp trong các hoạt động kiểm tra miệng, chúng tôi đã đưa ra một số loại hình bài KT và yêu cầu học sinh lựa chọn các dạng bài giáo viên thường cho làm trong KT miệng. Kết quả thu được như sau:

Bảng 2. Kết quả thống kê các dạng bài của HĐKT miệng

Dạng bài kiểm tra miệng	Tỉ lệ %
Đọc thuộc lòng, đọc thoại	31.3
Kiểm tra từ vựng (hỏi - đáp)	66.7
Kiểm tra ngữ pháp (chia động từ, quy tắc ngữ pháp)	87.6
Kiểm tra đọc hiểu (trả lời miệng các câu hỏi cho bài khóa/bài hội thoại)	30.8
Kiểm tra nghe hiểu (nghe băng và trả lời miệng các câu hỏi)	30.8
Đối thoại (đóng vai) với bạn hoặc với thầy/cô	25.8

Qua bảng thống kê trên, rất dễ dàng nhận thấy hình thức kiểm tra miệng phổ biến nhất vẫn là KT từ vựng và ngữ pháp với các tỉ lệ tương ứng là 66,7 và 87,6 %. Hình thức KT này đã tồn tại từ rất lâu và theo chúng tôi thì hình thức KT này không toàn diện và hiệu quả, chỉ tập trung vào kiến thức ngữ pháp và trong chừng mực nào đó là mở rộng vốn từ vựng của người học. Trong khi đó KT kĩ năng nói và nghe có tỉ lệ thấp (đọc thuộc lòng, đọc thoại: 31,3%, đối thoại (đóng vai) với bạn hoặc với thầy/cô : 25,8%, nghe hiểu (nghe băng và trả lời miệng các câu hỏi) : 30,8%). Mặt khác,

những tỉ lệ KT nghe và nói trên đây lại tập trung nhiều hơn ở các lớp chuyên tiếng Pháp trong các trường được khảo sát như trường THPT chuyên ngữ Hà Nội, trường THPT chuyên Nguyễn Huệ-Hà Đông, trường THPT chuyên Lương Văn Tụy-Ninh Bình. Điều cần lưu ý là trong dạy-học ngoại ngữ, cần quan tâm phát triển các kĩ năng giao tiếp của người học, đặc biệt là khả năng nghe hiểu và diễn đạt nói.

Giáo viên tiếng Pháp các trường THPT được khảo sát đã tiến hành hình thức KT miệng đối với học sinh với tần suất từ 1-3 lần trong năm. Đây là hình thức kiểm tra dưới dạng nói

và nghe duy nhất mà nhóm khảo sát ghi nhận. Tuy nhiên số lần KT nói và nghe đối với từng học sinh không đồng đều giữa các khối, lớp, giữa các trường chuyên/không chuyên ngữ. Nguyên nhân của tình trạng này là sĩ số học sinh trong các lớp tiếng Pháp tương đối cao (trên 30 HS/lớp), không phù hợp với đặc thù của việc dạy-học ngoại ngữ nhất là đối với KT nói. Ngoài ra, còn một nguyên nhân nữa là giáo viên ở các trường nói chung và đặc biệt ở các

trường không chuyên chưa quan tâm đúng mức đến việc phát triển kỹ năng nghe và nói. Mặt khác, trong hình thức KT miệng, dạng bài KT phổ biến nhất vẫn tập trung ở bình diện kiến thức ngôn ngữ với mục đích ghi nhớ và tái hiện kiến thức, còn bình diện kỹ năng thực hành ngoại ngữ - mục tiêu quan trọng hơn trong dạy-học ngoại ngữ như nghe và nói vẫn chưa được quan tâm đúng mức.

3.1.2. Kiểm tra viết dưới 1 tiết (15 – 30 phút)

Bảng 3. Kết quả thống kê HĐKT dưới 1 tiết

Số lần KT	Tỉ lệ (%)	Số lần cho điểm	Tỉ lệ (%)	Số lần cộng KQ	Tỉ lệ (%)
0	0.4	0	0.6	0	3.0
1	4.3	1	5.3	1	6.9
2	7.9	2	11.9	2	13.2
3	37.7	3	33.3	3	35.0
4	15.8	4	28.3	4	22.5
5	3.6	5	3.2	5	3.2
6	17.7	6	11.3	6	10.6
7	0.9	7	1.0	7	1.2
8	7.5	8	1.4	8	0.7

Kết quả thống kê thu được từ 1-8 lần đối với HĐKT dưới 1 tiết trong năm học của học sinh tiếng Pháp ở các trường THPT được khảo sát có lẽ làm cho người đọc lo ngại về độ tin cậy của các phiếu khảo sát thu được. Tuy nhiên, kết quả phỏng vấn GV tiếng Pháp ở các trường chuyên lại giải thích cho sự đa dạng này: số lần KT dưới 1 tiết dao động từ 3-6 lần, số lần cho điểm các bài KT dưới 1 tiết là 3-4 lần với tỉ lệ tương ứng là 33.3% và 28.3%.

Theo kết quả thống kê, số lần kiểm tra dưới 1 tiết phổ biến là 3 đến 4 lần (tỉ lệ tương ứng là

37.7% và 15,8%). Điểm số của các lần kiểm tra đó đều được tính vào kết quả học tập khi ở các tiêu chí số lần KT lấy điểm và số lần KT được cộng để tính kết quả, chúng tôi cũng nhận được các tỉ lệ tương đương.

Với cách thức khảo sát giống như đối với KT miệng, khi tiến hành tìm hiểu trong các loại hình bài tập mà giáo viên thường cho làm trong KT viết dưới 1 tiết, chúng tôi đã thu được kết quả thống kê với những những số liệu cụ thể như sau:

Bảng 4. Kết quả thống kê các dạng bài của HĐKT dưới 1 tiết

Kiểm tra 15 – 30 phút	Tỉ lệ %
Kiểm tra từ vựng / ngữ pháp	96.6
Kiểm tra đọc hiểu	82.7
Kiểm tra nghe hiểu	22.1
Viết một đoạn văn / một đoạn hội thoại	31.9

Một lần nữa, sự mất cân đối giữa KT kiến thức ngôn ngữ so với KT các kỹ năng thực hành

lại bộc lộ. Với những bài kiểm tra từ 15 phút đến 30 phút, có tới 96,6 % là các dạng bài kiểm

tra kiến thức ngôn ngữ (từ vựng và ngữ pháp), 82,7% KT kỹ năng đọc hiểu. Hình thức kiểm tra ít được quan tâm nhất vẫn là kỹ năng nghe hiểu (chỉ chiếm tỉ lệ 22,1% và theo các khối lớp là lớp 10: 27,4%; lớp 11: 13,7% và lớp 12: 22,1%), không có KT nói. Dường như, các kỹ năng sản sinh ngôn ngữ (nói và viết) không được quan tâm đúng mức trong hoạt động KT dưới 1 tiết (0% và 31,9%).

Các bài KT dưới 1 tiết ở các lớp tiếng Pháp trong các trường được khảo sát là các bài KT dưới dạng viết trên giấy, tập trung chủ yếu trên bình diện kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng đọc hiểu với mục đích KT khả năng ghi nhớ và tái

hiện kiến thức của HS. Hình thức KT điển đạt viết rất hạn chế và không có KT nói. Ngoài nguyên nhân khách quan như sĩ số học sinh cao và thời lượng dành cho KT theo quy định trong chương trình còn hạn chế (2-3 tiết/18 tiết mỗi chủ điểm), cần phải kể đến nguyên nhân chủ quan là giáo viên chưa thực sự quan tâm tới việc KT các kỹ năng giao tiếp (nói và viết). Tình trạng này đi ngược với những yêu cầu về KTĐG trong chương trình môn học [4], theo đó *tất cả các kỹ năng giao tiếp và kiến thức ngôn ngữ đều được kiểm tra thường xuyên trong quá trình dạy-học.*

3.1.3. Kiểm tra vở ghi chép bài trên lớp

Bảng 5. Kết quả thống kê HĐKT vở ghi chép bài trên lớp

Số lần	Tỉ lệ	Số lần cho điểm	Tỉ lệ	Số lần cộng KQ	Tỉ lệ
0	25.6	0	29.7	0	34.3
1	26.1	1	30.0	1	37.3
2	12.4	2	34.5	2	22.8
3	4.3	3	3.7	3	3.6
4	1.3	4	0.8	4	0.6

Hoạt động kiểm tra vở ghi chép bài trên lớp cũng có rất nhiều biến số. Tỉ lệ khá cao của giá trị “không kiểm tra vở ghi” là 25,6 % cho thấy một bộ phận giáo viên không nhận thức được tầm quan trọng của kiểm tra vở ghi chép nên đã bỏ qua hoạt động này.

Đối với các thầy cô tiến hành kiểm tra vở ghi, số lần kiểm tra phổ biến nhất là 1 lần (26,1%) và 2 lần (12,4%). Hầu như những lần kiểm tra vở ghi này đều được cộng điểm để tính vào kết quả học tập môn tiếng Pháp.

Kiểm tra vở ghi chép bài trên lớp là một HĐKT đặc thù của môn ngoại ngữ. Qua HĐKT này, giáo viên có thể có thêm thông tin về thái độ, ý thức và kỹ năng thụ đắc ngôn ngữ của học sinh. Để có thể ghi chép bài tốt bằng tiếng nước ngoài, học sinh phải trải qua một quá trình tổng hợp đi từ việc nắm vững kiến thức ngôn ngữ (từ

vựng, ngữ pháp) đến các kỹ năng thực hành nghe-nhìn và viết. Kết quả phỏng vấn cung cấp thêm thông tin liên quan đến HĐKT này: việc KT và chữa vở ghi chép bài trên lớp được giáo viên các trường chuyên ngữ quan tâm thực hiện nhiều hơn các trường không chuyên. Nhóm chuyên đề cho rằng hoạt động kiểm tra này cần được duy trì đều đặn và tăng cường trong tất cả các trường dạy ngoại ngữ nói chung, dạy tiếng Pháp nói riêng, giúp học sinh thấy được các lỗi trong vở ghi để sửa chữa và rút kinh nghiệm cho các lần sau. Mặt khác, KT vở ghi chép và cho điểm để tính vào kết quả học tập của học sinh phải là một hoạt động KTTX, cho phép đánh giá toàn diện các năng lực ngoại ngữ của học sinh.

3.1.4. Kiểm tra bài tập về nhà

Bảng 6. Kết quả thống kê HĐKT bài tập về nhà

Số lần	Tỉ lệ	Số lần cho điểm	Tỉ lệ	Số lần cộng KQ	Tỉ lệ
0	12.8	0	17	0	26

1	19.4	1	38.8	1	27.2
2	22.0	2	26.3	2	30.6
3	7.6	3	8.4	3	9.2
4	3.1	4	2.6	4	1.5
5	2.6	5	1.9	5	1.8

Việc khảo sát HĐKT bài tập về nhà cũng cho nhiều biến số về số lần KT, về số lần cho điểm và số lần cộng điểm KT bài tập làm ở nhà để tính vào kết quả học tập của học sinh : không kiểm tra bài tập về nhà chiếm tỉ lệ 12,8%, kiểm tra 1 lần : 19,4%, 2 lần : 22% ; 3, 4, 5 lần chiếm tỉ lệ rất thấp và giảm dần. Những số liệu trên cho phép giả định nguyên nhân của tình trạng này : một mặt là quan niệm của giáo viên về KT và cho điểm bài tập về nhà, mặt khác là do những điều kiện khách quan như Quy chế của Bộ không quy định việc KT và cho điểm bài tập về nhà. Tuy nhiên việc khảo sát và phỏng vấn học sinh và giáo viên cũng cho thấy tỉ lệ KT và cho điểm bài tập về nhà ở các lớp chuyên cao hơn ở các lớp không chuyên.

Quan điểm của nhóm chuyên đề là việc KT và cho điểm bài tập về nhà trong khuôn khổ những hoạt động KTTX là cần thiết. Việc làm bài tập về nhà mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho HS, giúp HS nắm vững thêm bài học trên

lớp : qua việc làm bài tập về nhà HS phải tự đào sâu suy nghĩ, áp dụng những kiến thức tiếp thu trên lớp để giải quyết những vấn đề đặt ra ; càng làm nhiều bài tập về nhà HS càng được rèn luyện các kĩ năng thực hành. Việc làm bài tập về nhà góp phần giúp HS biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Trong bảng phân loại tư duy của Bloom theo mục tiêu giáo dục (1956) [5], đây chính là mức *vận dụng* (sử dụng thông tin hay khái niệm trong tình huống mới) cần được quan tâm tăng cường trong dạy-học ngoại ngữ đối với học sinh THPT.

3.1.5. Lợi ích của KTTX

Để tìm hiểu nhận thức của học sinh và giáo viên đối với lợi ích của KTTX, nhóm chuyên đề đưa vào trong bảng hỏi và phỏng vấn nội dung liên quan đến vấn đề này.

Các nghiệm thể sẽ lựa chọn những đáp án đưa ra và có thể nêu thêm quan điểm cá nhân. Sau đây là các số liệu cụ thể:

Bảng 7. Kết quả thống kê lợi ích của KTTX

Lợi ích	Lựa chọn của em
Nhận biết tiến bộ và khó khăn của bản thân trong quá trình học	81,4%
Để sửa chữa những sai sót, yếu kém của bản thân	83,1%
Để điều chỉnh phương pháp học cho phù hợp	70,5%
Thầy /cô biết được những khó khăn mà học sinh gặp phải để điều chỉnh cách thức tổ chức và phương pháp dạy cho phù hợp	83,2%
Thầy cô đánh giá được đầy đủ toàn bộ quá trình học của học sinh	75%
Ích lợi khác :	

Theo kết quả thống kê, đa số các đối tượng đều đồng tình với các lợi ích của kiểm tra thường xuyên. Đặc biệt là việc giúp người học và người dạy phát hiện ra những điểm mạnh và yếu trong quá trình dạy và học (81,4%, 83,1% và 83,2). Những người cho rằng việc KTTX giúp điều chỉnh phương pháp học chiếm tỉ lệ thấp hơn hơn (70,5%). Nguyên nhân, theo chúng tôi, việc điều chỉnh này là một vấn đề

khá khó khăn đối với người học, họ cần nhiều thời gian và sự hỗ trợ của người khác để có thể tìm cho mình một phương pháp làm việc hiệu quả.

Lợi ích của hoạt động KTTX là rõ ràng và hiển nhiên đối với học sinh và giáo viên tham gia khảo sát và phỏng vấn. Vấn đề đặt ra là từ nhận thức đến hành động còn cả một khoảng cách, phụ thuộc vào nhiều yếu tố chủ quan và

khách quan. Tuy nhiên, việc nhận thức đúng đắn về vai trò và lợi ích của KTTX sẽ là một trong những cơ sở cho những thay đổi điều chỉnh (nếu có) của cấp có thẩm quyền về tỉ trọng của KTTX so với KTĐK.

3.1.6. Tổng hợp về các hoạt động KTTX tại các trường THPT được khảo sát

Hoạt động KTTX có đối tượng chủ yếu là quá trình dạy học với vai trò điều chỉnh. Mục đích của KTTX là để đo tiến bộ của người học so với mục tiêu đã đề ra. Kết quả của hoạt động KTTX, một mặt sẽ giúp người dạy biết được những khó khăn mà người học gặp phải, điều chỉnh phương pháp, cách thức tổ chức dạy-học nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, mặt khác giúp cho người học ý thức được tiến bộ và những khó khăn của mình, bổ khuyết những sai sót, điều chỉnh phương pháp học. Hơn thế nữa, nó cho phép người học tham gia vào việc đánh giá chính mình, tức là tự đánh giá để đạt được kết quả cao hơn trong học tập.

Theo Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông, chương III, điều 6, trang 4 (ban hành kèm theo Quyết định số: 40/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), KTTX gồm: kiểm tra miệng, kiểm tra viết dưới 1 tiết, kiểm tra thực hành dưới 1 tiết. Số lần KTTX của môn học có từ trên 1 tiết đến dưới 3 tiết trong 1 tuần: ít nhất 3 lần /học kì ; như vậy 1 năm mỗi học sinh phải có ít nhất 3 lần KT miệng và 3 lần KT dưới 1 tiết. Việc khảo sát bằng bảng hỏi và phỏng vấn ba loại nghiệm thể tại các trường THPT được khảo sát cho thấy các trường nhìn chung đã tuân thủ quy chế của Bộ GD&ĐT về số lần KTTX (KT miệng và KT dưới 1 tiết) tuy có những biến số khác thấp hơn hoặc cao hơn số lần qui định. Để giải thích cho những biến số này, qua khảo sát thực tế, nhóm chuyên đề thấy rằng các trường chuyên ngữ thường có số lần KTTX nhiều hơn các trường không chuyên và hơn nữa thời lượng của các bài KTTX không phải là 15-30 phút mà là 45 phút. Nhưng điều

cần bàn ở đây nằm ở các khía cạnh khác của KTTX trong các trường được khảo sát.

Thứ nhất, hoạt động KTTX tại các trường được khảo sát có sự mất cân đối trong nội dung KT: các trường khảo sát chỉ chú trọng đến việc KT kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) coi nhẹ các nội dung văn hóa, văn minh nằm trong chương trình bắt buộc. Dưới góc độ giáo dục học, việc KT kiến thức ngôn ngữ là cần thiết nhưng việc đó chỉ nhằm vào 2 mức thấp trong bảng phân loại nhận thức của Bloom [5] là *nhận biết* và *hiểu*, không phù hợp với trình độ của học sinh THPT đã học tiếng Pháp 4 năm ở THCS.

Thứ hai, trong hoạt động KTTX tại các trường được khảo sát, có sự mất cân đối giữa tỉ trọng KT kiến thức ngôn ngữ, KT đọc hiểu so với KT các kĩ năng thực hành khác là nghe, viết và nói. Dưới góc độ giáo dục pháp ngoại ngữ, sự mất cân đối này là hệ quả của việc không tuân thủ các yêu cầu về KTĐG trong chương trình môn tiếng Pháp được thể hiện trong SGK tiếng Pháp THPT (hệ 7 năm) [4], theo đó *tất cả các kỹ năng giao tiếp và kiến thức ngôn ngữ đều được kiểm tra thường xuyên trong quá trình dạy-học. Các nội dung và yêu cầu kiểm tra :*

- Kĩ năng nghe hiểu (Compétence de compréhension orale): 25%
- Kĩ năng đọc hiểu (Compétence de compréhension écrite) : 30 %
- Kĩ năng diễn đạt viết (Compétence d'expression écrite) : 20 %
- Kiến thức ngôn ngữ (Connaissance de la langue) : 25 %

Mặt khác, sự mất cân đối này còn thể hiện việc nhận thức không đúng về mục tiêu giao tiếp của giáo dục ngoại ngữ ở các trường được khảo sát, theo đó các kĩ năng thực hành ngoại ngữ (đọc, nghe, nói, viết) phải được dạy-học và KT một cách toàn diện.

Thứ ba, theo Quy chế của Bộ GD&ĐT [2], hình thức KTTX chỉ bao gồm KT miệng, KT dưới 1 tiết và KT thực hành dưới 1 tiết; hệ số điểm trong đánh giá kết quả học tập của học

sinh là hệ số 1. Nhóm thực hiện chuyên đề cho rằng những qui định có tính pháp lí này chưa thể hiện sự quan tâm đầy đủ của cấp có thẩm quyền đối với hoạt động KTTX, một hoạt động được các nước có nền giáo dục phát triển như Hà Lan, Pháp, Hoa Kỳ, Anh, Úc, Thụy Điển.. đặc biệt quan tâm và chú trọng do những lợi ích mà nó mang lại cho mục tiêu giáo dục : đánh giá hiệu quả của quá trình dạy-học trong việc phát triển khả năng của người học.

3.2. Các hoạt động kiểm tra định kì

Bảng 8. Kết quả thống kê HĐKT khảo sát đầu năm học

Số lần KT đầu năm	Lớp 10 %	Lớp 11 %	Lớp 12 %	Tổng cộng %
0 lần	30,5	1,9	11,1	14,5
1 lần	52,7	93	81,1	75,8
2 lần	4,2	3,2	3,2	3,53

KT khảo sát trình độ đầu năm học đã trở nên phổ biến và đặc biệt tập trung ở 2 năm cuối cấp trước khi các em học sinh bước vào kì thi tuyển sinh đại học (ĐH). Điều này được thể hiện qua số liệu thống kê : 93% học sinh lớp 11 và 81,1 % học sinh lớp 12 tham dự 1 lần KT khảo sát đầu năm.

KT khảo sát hay còn gọi là KT trình độ đầu năm học là một HĐKT cần thiết, cho phép nhà trường biết được trình độ, những khó khăn của

3.2.1. Kiểm tra khảo sát đầu năm học

Dựa trên số liệu thống kê chung của các khối lớp, việc kiểm tra khảo sát đầu năm học dường như đã trở thành một quy chuẩn chung khi có tới 75,8 % học sinh các trường được khảo sát tham dự 1 lần HĐKT này. Chỉ có 14,4% học sinh không tham gia hoạt động này khi bắt đầu một năm học. Có một số trường còn tiến hành tới 2 lần, thậm chí 3 lần kiểm tra khảo sát đầu năm học (tỉ lệ tương ứng là 3,53 % và 4,1%). Khi đi sâu phân tích kĩ hơn theo từng khối lớp, số liệu được tổng hợp như sau:

người học để phân loại, xếp lớp hoặc dự kiến kế hoạch chuyên môn nhằm bổ khuyết những kiến thức và kĩ năng yếu kém của học sinh. Các trường được khảo sát trên địa bàn 3 tỉnh/thành phố đều tiến hành HĐKT này ít nhất 1 lần. Nhưng nếu số lần KT khảo sát đầu năm được tiến hành tới 2, 3, 4, theo chúng tôi, là không cần thiết.

3.2.2. Kiểm tra 1 tiết

Bảng 9. Kết quả thống kê HĐKT 1 tiết

Số lần	Tỉ lệ %	Số lần cho điểm	Tỉ lệ %	Số lần cộng KQ	Tỉ lệ %
0	8	0	0.4	0	1.9
1	5.5	1	7.4	1	10.3
2	16	2	18.1	2	18.9
3	26	3	24.3	3	27.7
4	18.8	4	26.7	4	28.4
5	3	5	2.2	5	1.7
6	18.5	6	18.7	6	9.3
7	4	7	2	7	7
8	10.4	8	4	8	2

Với các số liệu thống kê thu được, bạn đọc sẽ nghi ngờ về tính chính xác của các câu trả lời do số lượng các bài KT 1 tiết xuất hiện các giá trị từ 1 lần đến 8 lần và tỉ lệ của các giá trị thì

tản mát. Các giá trị có tỉ lệ cao nhất là 3 lần kiểm tra (26%), 4 lần kiểm tra (18,8%), 6 lần kiểm tra (18,5%).

Để xem xét các bình diện kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp trong các hoạt động kiểm tra 1 tiết, nhóm chuyên đề đã đưa ra một số loại hình bài KT và yêu cầu học sinh lựa

chọn các dạng bài giáo viên thường cho làm. Kết quả thu được như sau:

Bảng 10. Kết quả thống kê các dạng bài trong HĐKT 1 tiết

Đọc hiểu	Diễn đạt viết	Nghe hiểu	Nói	Từ vựng /ngữ pháp
86%	47.9%	24.6%	6.8%	93.5%

Theo bảng thống kê trên, một lần nữa phải nhấn mạnh về sự mất cân đối trong các dạng bài KT: kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) và kỹ năng đọc vẫn chiếm một tỉ lệ rất cao (93,5% và 86%) trong khi kỹ năng nghe chỉ chiếm 24,6% đặc biệt là kỹ năng nói chỉ chiếm 6,8%. Tỉ lệ KT nghe và nói này chủ yếu lại nằm ở các trường chuyên ngữ. Có thể thấy rằng ở THPT, rất hiếm khi các thầy cô tổ chức kiểm tra 1 tiết kỹ năng nói và nghe hiểu. Nguyên nhân của tình trạng này có thể liên quan tới vấn đề thời gian tiến hành kiểm tra và số học sinh cần kiểm tra.

Qua phỏng vấn và điều tra bằng bảng hỏi đối với giáo viên tiếng Pháp, nhóm chuyên đề xác định được số lần KT 1 tiết ở các trường THPT là 4 lần/năm, với hệ số điểm là 2, như

Quy chế của Bộ GD&ĐT [2]. Như vậy, kết quả thống kê trong bảng 9 với số lần KT từ 1 đến 8 lần không phản ánh đúng thực trạng các HĐKT tiếng Pháp với thời lượng 1 tiết. Tuy nhiên, cũng có thể xảy ra trường hợp ở một số trường THPT (đặc biệt là trường chuyên ngữ), số lần KT 1 tiết vượt quá con số 4 lần.

Trong các bài KT 1 tiết, tỉ trọng KT kiến thức ngôn ngữ và đọc hiểu vẫn rất cao so với việc KT các kỹ năng thực hành khác (viết, nghe và nói, đặc biệt là nói). Điều này cho thấy sự thiếu quan tâm của tổ bộ môn và giáo viên ngoại ngữ đến việc phát triển các kỹ năng thực hành ngoại ngữ (viết, nghe và nói) ở các trường THPT được khảo sát.

3.2.3. Kiểm tra giữa học kì

Bảng 11. Kết quả thống kê HĐKT giữa học kì

Số lần	Tỉ lệ %	Số lần cho điểm	Tỉ lệ %	Số lần cộng KQ	Tỉ lệ %
0	5.9	0	8.5	0	12.5
1	71.2	1	67.4	1	61.7
2	18.8	2	20.5	2	22.4
3	1.3	3	2.2	3	1.0
4	9	4	3	5	7

Kết quả thu được khá sát với thực tế. Hoạt động KT giữa kì chủ yếu được tổ chức 1 lần (71,2%) vào giữa học kì và rất hiếm khi được tổ chức 2 lần (18,8%). Và theo như số liệu thống kê, đây là HĐKT được tính vào kết quả học tập.

Để tìm hiểu thực trạng thời lượng làm bài và các dạng bài KT giữa kì của học sinh các trường được khảo sát, chúng ta xem xét kết quả thống kê sau đây:

Bảng 12. Kết quả thống kê thời lượng và các dạng bài KT giữa học kì

Thời gian làm bài (phút)	Dạng bài kiểm tra				
	Đọc hiểu %	Viết %	Nghe hiểu %	Nói %	Từ vựng/ Ngữ pháp %
45 phút :43,3	Lớp 10 : 91,5	Lớp 10 : 57	Lớp 10 :15,2	Lớp 10 : 9,7	Lớp 10 : 94,1
60 phút : 47,5	Lớp 11 : 96,2	Lớp 11 : 63,4	Lớp 11 : 28,8	Lớp 11 : 15	Lớp 11 : 98
90 phút : 5,2	Lớp 12 : 86,9	Lớp 12 : 58,8	Lớp 12 : 20,6	Lớp 12 : 5,6	Lớp 12 : 96,3
Tổng hợp	90,7%	59,7%	21,3%	10%	95,8%

Trước tiên, về mặt thời gian, chúng tôi nhận thấy không có sự thống nhất về thời gian tiến hành KT giữa kì khi có trường KT trong 45 phút còn trường khác lại làm trong 60 phút. Với thời gian làm bài 45 phút, tỉ lệ là 43,3% còn với thời gian làm bài 60 phút thì tỉ lệ là 47,5%. Bài KT giữa kì với thời lượng 90 phút chỉ được thực hiện ở hai trường chuyên là Chuyên ngữ - Hà Nội và Chuyên Lương Văn Tụy-Ninh Bình với tỉ lệ rất thấp (5,2%).

Trong KT giữa kì, KT từ vựng, ngữ pháp (95,8%) và KT kĩ năng đọc hiểu (90,7%) vẫn chiếm một tỉ trọng lớn ở các kĩ năng khác : diễn đạt viết 59,7%, nghe hiểu 21,3%, nói 10%. Tỉ trọng này gần như giữ nguyên giá trị và dao

động ít trong KT giữa kì tiếng Pháp ở các khối lớp 10, 11, 12.

Hoạt động KT giữa kì giúp giáo viên đánh giá tiến bộ và kết quả học tiếng Pháp của học sinh sau 3 bài học. Điều làm cho những nhà thiết kế chương trình và các phụ huynh học sinh lo ngại là tác động ngược của KT đến quá trình dạy học. Với việc KT chỉ chú trọng đến kiến thức ngôn ngữ và kĩ năng đọc hiểu, học sinh cũng sẽ chỉ quan tâm đến các dạng bài đó trong khi học để đối phó với KT. Hệ quả là mục tiêu dạy học tiếng Pháp sẽ chỉ đạt được một phần trong các mục tiêu đề ra.

3.2.4. Kiểm tra cuối học kì

Bảng 13. Kết quả thống kê HĐKT cuối học kì

Số lần	Tỉ lệ	Số lần cho điểm	Tỉ lệ	Số lần cộng KQ	Tỉ lệ
0	2	0	7	0	3.9
1	64.1	1	64.4	1	55.8
2	33.5	2	33.1	2	37.3
3	7	3	1.0	3	1.2
4	7	4	2	6	6
5	Trống	5	2	12	3

Các số liệu cho thấy KT cuối kì thường được tổ chức 1 lần (64,1%), nhưng cũng có trường tổ chức KT học kì 2 lần (33,5%), trong

đó có 1 lần tập dượt và một lần chính thức để lấy điểm.

Thời gian làm bài KT cuối kì và dạng bài cụ thể:

Bảng 14. Kết quả thống kê thời lượng và các dạng bài trong HĐKT cuối học kì

Thời gian làm bài %	Dạng bài kiểm tra				
	Đọc hiểu %	Viết %	Nghe hiểu %	Nói %	Từ vựng/ Ngữ pháp (%)
45 phút: 14,6	90,4%	57,1%	22,8%	18,4%	95,8%
60 phút: 55,9	Lớp 10 : 86,2	Lớp 10 : 57,1	Lớp 10 : 19,6	Lớp 10 : 31,7	Lớp 10 : 94,2
90 phút: 25,2	Lớp 11 : 97	Lớp 11 : 58,9	Lớp 11 : 26,2	Lớp 11 : 20,2	Lớp 11 : 97
120 phút: 2,0	Lớp 12 : 88,4	Lớp 12 : 55	Lớp 12 : 23,2	Lớp 12 : 3,7	Lớp 12 : 96,3

Đối với bài KT cuối kì, thời lượng làm bài còn đa dạng hơn rất nhiều : 45 phút, 60 phút, 90 phút, thậm chí 120 phút. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng chuẩn thời lượng hợp lí chính là thời lượng có tỉ lệ được lựa chọn cao nhất là 60 phút (55,9%).

Nhìn vào các bảng thống kê, chúng ta thấy không có quá nhiều khác biệt giữa các dạng bài KT cuối kì và các dạng bài KT giữa kì. Một lần nữa, điều làm nhóm chuyên đề chú ý vẫn là tỉ lệ mất cân đối giữa các kĩ năng được KT. Ở bài KT cuối kì, kĩ năng nghe hiểu và nói có tỉ lệ rất thấp : 22,8% và 18,4%. Lớp 12 là cuối cấp học

mà tỉ trọng kiểm tra nói rất thấp (3,7%) tập trung chủ yếu ở các trường chuyên. Lớp 11 có lẽ là khối lớp có tỉ lệ phân bố KT các kĩ năng nghe và nói tương đối hợp lí so với quy định KT các kĩ năng thực hành.

Điều đáng chú ý và quan tâm nhất vẫn là tỉ trọng mất cân đối giữa KT kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) và KT kĩ năng so với KT các kĩ năng viết, nghe và nói trong HĐKT cuối kì. Sự mất cân đối này có thể được lí giải như đã nêu trong phần bình luận về các HĐKT giữa kì, KT 1 tiết và KT dưới 1 tiết : việc nhận thức và quán triệt chưa đúng về mục tiêu dạy-học ngoại ngữ ở các trường THPT được khảo sát, việc không tuân thủ các quy định về phân bố tỉ lệ KT các kĩ năng thực hành (đọc, nói, nghe, viết) và KT kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp).

3.2.5. Nhận xét chung về các hoạt động KTĐK tại các trường THPT được khảo sát

Kết quả thống kê dữ liệu điều tra và phỏng vấn ba nhóm nghiệm thể ở các trường THPT cho thấy số lượng bài KT, phân bố bài KT là tương đối phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT [2]. Thời lượng làm bài KTĐK có nhiều biến số phản ánh một thực tế là các trường chuyên ngữ có xu hướng tăng dung lượng làm bài để KT được nhiều nội dung hơn, điều này cũng dễ hiểu và trong phạm vi nào đó cũng có thể chấp nhận được. Tuy nhiên, có sự mất cân đối giữa tỉ trọng KT kiến thức ngôn ngữ, KT đọc hiểu so với KT các kĩ năng thực hành khác là nghe, viết, nói và điều này đã thu hút sự quan tâm lâu nay của giáo chức và dư luận xã hội. Dưới góc độ giáo học pháp ngoại ngữ, cũng như KTTX, sự mất cân đối này là hệ quả của việc không tuân thủ các yêu cầu về KTĐG trong chương trình môn tiếng Pháp được thể hiện trong SGK tiếng Pháp THPT (hệ 7 năm), theo đó *nội dung, yêu cầu kiểm tra, tỉ trọng KT được quy định như sau:*

- Kĩ năng nghe hiểu (Compétence de compréhension orale): 25%
- Kĩ năng đọc hiểu (Compétence de compréhension écrite): 30 %

- Kĩ năng diễn đạt viết (Compétence d'expression écrite): 20 %

- Kiến thức ngôn ngữ (Connaissance de la langue): 25 %

Đã đến lúc phải đặt lại vấn đề về mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học, KTĐG và những phản hồi tiêu cực của KTĐG đối với việc dạy-học ngoại ngữ nói chung, tiếng Pháp nói riêng trong các hoạt động KTĐK ở các trường THPT khu vực phía bắc Việt Nam.

4. Một số giải pháp nhằm khắc phục các tồn tại trong các HĐKT tiếng Pháp ở THPT

Trên cơ sở phân tích và bình luận kết quả thống kê về các HĐKT tiếng Pháp ở các trường được khảo sát, nhóm chuyên đề đưa ra một số giải pháp nhằm khắc phục các tồn tại trong các HĐKT tiếng Pháp ở THPT như sau :

(1) Các trường cần tuân thủ nghiêm những quy định về KTĐG trong chương trình môn học [4], theo đó tuân thủ phân bố KTĐG trong chương trình môn học, chú trọng KTĐG cả 4 kĩ năng đọc, nghe, nói, viết và kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), số đầu điểm bắt buộc của KTTX và KTĐK.

(2) Tăng cường vai trò của KTTX với chức năng điều chỉnh trong dạy học ngoại ngữ, theo đó các bài KT 1 tiết phải được đưa vào khung KTTX ; đa dạng hóa các hoạt động KTTX bằng cách bổ sung thêm các hình thức KTTX khác như portfolio, KT qua trò chơi, ghi nhật kí, KT trong nhóm học tập, tự kiểm tra bằng các phương tiện hỗ trợ.

(3) Chuẩn hóa các bài kiểm tra thường xuyên và định kì trên cơ sở chuẩn đánh giá, nội dung chương trình môn học, xây dựng cấu trúc các bài KTTX và KTĐK, qui định lại hệ số điểm của 2 loại hình KTTX và KTĐK theo đó KTTX (gồm cả KT một tiết): hệ số 1 và KTĐK (giữa kì, cuối kì): hệ số 2.

(4) Tăng cường bài tập về nhà, tổ chức cho học sinh chăm vở bài tập, vở ghi chép của nhau.

(5) Giảm số đầu điểm của KTTX và KTĐK để tính kết quả trung bình trung môn ngoại ngữ nhằm tránh sức ép về điểm số, sức ép về KT, thi cử.

5. Kết luận

Kết quả khảo sát, phỏng vấn cũng như những phân tích bình luận được trình bày trên đây về thực trạng các HĐKT tiếng Pháp ở THPT cho thấy, nhìn chung các trường được khảo sát đã tuân thủ những quy định của Bộ GD&ĐT về số lần KT, hệ số điểm KT, thời lượng KT, HĐKT thường xuyên/định kì. Học sinh và giáo viên đều nhận thức được tầm quan trọng và tính cần thiết của các HĐKT. Các hình thức kiểm tra khá đa dạng và tương đối phù hợp với trình độ của học sinh. Hệ số điểm các bài KT được phân thành 3 loại (hệ số 1 : KT dưới 1, hệ số 2 : KT 1 tiết và KT giữa kì, hệ số 3 : KT cuối kì) có vẻ hợp lí để có thể đánh giá chính xác trình độ người học.

Tuy nhiên, các HĐKT tiếng Pháp ở các trường THPT được khảo sát cũng bộc lộ những tồn tại cần quan tâm khắc phục như : mất cân đối trong tỉ trọng KTTX/KTĐK về số lần KT, về hệ số điểm (KTTX : hệ số 1 trong khi KTĐK : hệ số 2 và 3), kết cấu của các HĐKT chưa hợp lí : nặng về KT kĩ năng đọc và KT kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) mà chủ yếu ở mức nhớ và tái hiện, nhẹ về KT các kĩ năng giao tiếp (nghe, nói, viết). Với kết cấu như vậy, HS không được phát triển toàn diện các kĩ năng giao tiếp, khả năng phân tích tổng hợp, tính độc lập, tư duy sáng tạo. Một số trường/lớp chưa coi trọng KTTX, kiểm tra vở ghi và bài tập về nhà. Cá biệt có trường không tiến hành kiểm tra giữa kì.

Cũng cần đặt vấn đề là, nếu như mục tiêu đào tạo quy định các bộ phận cấu thành trong qui trình đào tạo trong đó có KTĐG thì KTĐG phải phục vụ và tác động tích cực đến quá trình dạy học nhằm đạt được mục tiêu đào tạo. Thực tế kết quả khảo sát cho thấy điều ngược lại. Học sinh học ngoại ngữ, sờ đĩ không thấy hứng thú

trong học tập có lẽ cũng một phần do sức ép của KTĐG, do sức ép của điểm số, sức ép của thi cử. Đã đến lúc phải xem lại và đổi mới hệ thống KTĐG trong tổng thể chung của đổi mới nền giáo dục Việt Nam.

Để kết thúc, chúng tôi xin được trích dẫn một trong những nhận xét xác đáng liên quan đến chủ đề bài viết này của TS. Vũ Thị Phương Anh [6] khi bàn về thực trạng KTĐG ngoại ngữ ở bậc THPT Việt Nam:

“[...] cách đánh giá hiện nay vẫn nặng về kiến thức sách vở mà chủ yếu là ở mức nhớ và tái hiện kiến thức, chu kỳ đánh giá chỉ chú trọng điểm cuối của quá trình dạy-học, và mục đích của KTĐG vẫn chủ yếu để phục vụ quản lý như xếp loại học sinh, xét lên lớp, cấp chứng chỉ, vv. Trong khi đó, chức năng cung cấp thông tin phản hồi cho HS và GV về quá trình dạy-học của KTĐG hầu như luôn bị bỏ qua ở mọi môn học, mọi trình độ và mọi cấp quản lý”.

Tài liệu tham khảo

- [1] Tô Thu Hương, Cơ sở giáo dục pháp của kiểm tra, đánh giá ngoại ngữ ở trung học phổ thông Việt Nam”, Kí yếu Hội thảo khoa học đề tài KH-CN cấp ĐHQGHN trọng điểm mã số QGTĐ.09.09 : Kiểm tra ngoại ngữ ở THPT khu vực phía Bắc Việt Nam : Thực trạng và Giải pháp”, Hà Nội, 01/2011.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông* (chương III, điều 7, trang 4) - Ban hành kèm theo *Quyết định số: 40/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 10 năm 2006* của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [3] Campenhoudt et Quivy R., *Manuel de recherche en sciences sociales*, Bordas, Paris, 1986.
- [4] Nguyễn Văn Mạnh, Nội dung chương trình sách giáo khoa tiếng Pháp THPT (hệ 7 năm), Kí yếu Hội thảo khoa học đề tài KH-CN cấp ĐHQGHN trọng điểm mã số QGTĐ.09.09 : Kiểm tra ngoại ngữ ở THPT khu vực phía Bắc Việt Nam : Thực trạng và Giải pháp, Hà Nội, 01/2011.
- [5] Bloom, B.S., (Ed.), Phân loại tư duy cho các mục tiêu giáo dục: Phân loại các mục tiêu giáo dục, *Nhận thức về lĩnh vực*, Quyển I, New York, Longman, 1956.
- [6] Vũ Thị Phương Anh, Kiểm tra đánh giá để phục vụ học tập: Xu hướng mới của thế giới và bài học

cho Việt Nam, Kí yếu hội thảo “Kiểm tra đánh giá để phát huy tính tích cực của học sinh ở bậc trung học”, TP.HCM, 06/2006.

- [7] Đỗ Quang Việt và cộng sự, Kiểm tra ngoại ngữ ở Trung học phổ thông khu vực phía Bắc Việt

Nam: Thực trạng và Giải pháp, *Đề cương đề tài KH-CN cấp ĐHQGHN trọng điểm, mã số QGTD.09.09*, Hà Nội, 06/2009.

Survey the current status of the French testing activities at High Schools in northern Vietnam

Do Quang Viet

*Language education and Quality assurance reseach Centre,
VNU University of Languages and International Studies,
Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

As a component of work and feedback to the teaching-learning process, evaluation include many elements, relationship back: objectives, standards of knowledge and skills, methods, activities, structure, duration, reliability, value and the index point, the weight of all tests ... This article focuses describe and analyze the current situation of testing activities in some French high schools surveyed in the framework of science and technology topics for VNU QGTD.09.09 key codes, in order to find the current situation, offer remedies and proceed to construction testing activities at the high school examination and assessment in line with the trend of international integration of Vietnam's education.

Keywords: testing, assessment, evaluation, testing activities, continuous testing, periodic testing